

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
TỔNG CHI NSDP		15,750,000	8,924,827	6,825,173	18,964,089	8,376,023	10,588,066	120	94	155
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	15,750,000	8,924,827	6,825,173	18,964,089	8,376,023	10,588,066	120	94	155
I	Chi đầu tư phát triển	6,958,755	5,545,129	1,413,626	5,581,419	3,005,098	2,576,321	80	54	182
II	Chi trả nợ gốc vay theo quy định	0	0	0	0	0				
III	Chi thường xuyên	7,692,256	2,927,499	4,764,757	7,964,602	2,125,435	5,839,167	104	73	123
	Trong đó:	0			0					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2,713,657	710,361	2,003,296	2,704,465	563,321	2,141,144	100	79	107
2	Chi khoa học và công nghệ	24,284	24,284		15,714	15,714		65	65	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000		1,000	1,000	0	100	100	
V	Chi chuyển nguồn	0			5,249,082	3,084,586	2,164,496			
VI	Chi dự phòng ngân sách	326,597	200,769	125,828	0	0	0	0	0	0
VII	Chi thực hiện cải cách tiền lương	412,378	76,930	335,448	0	0	0	0	0	0
VIII	Chi trích lập Quỹ phát triển đất	37,500	37,500		0	0	0	0	0	
IX	Chi từ nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh	155,602		155,602	0	0	0	0		0
X	Chi CTMT vốn SN	0			0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!	
XI	Chi thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế	39,912	10,000	29,912	0	0	0	0	0	0
XII	Chi hoàn trả tạm ứng bù hụt thu NSTW	0	0		0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!	
XIII	Chi đầu tư các Dự án CNTT	126,000	126,000		0	0	0	0	0	
XIV	Chi nộp ngân sách cấp trên	0	0		150,204	150,204	0			
XV	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	0		0	17,782	9,700	8,082			